

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 31-7-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nam Hải

2. Ông Phạm Hữu Kinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T - Sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Khối phố N, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông Nguyễn C - Sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khối phố N, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn C kết hôn vào ngày 16/01/1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ N, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông Nguyễn C ngoại tình và uống rượu về thường đánh đập vợ con. Vì vậy, bà T đã gửi đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết và được Tòa án hòa giải nên vợ chồng thống nhất về đoàn tụ nhưng ông C vẫn không thay đổi tính tình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn C.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 21/10/1998 (đã trưởng thành); Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/6/2005; Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 30/7/2009. Khi ly hôn, bà Lê Thị T có nguyện vọng được nuôi 02 con chung là Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị Thanh T1 và không yêu cầu ông Nguyễn C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Lê Thị T không có ý kiến trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn C trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, ông Nguyễn C thống nhất như lời khai của bà Lê Thị T.

Trong quá trình chung sống vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, vợ chồng sống hạnh phúc, thỉnh thoảng ông có uống rượu và có đánh vợ, ông còn thương vợ thương con nên bà Lê Thị T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, ông mong muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 21/10/1998 (đã trưởng thành); Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/6/2005; Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 30/7/2009. Ông không đồng ý ly hôn nên không đề cập đến việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng: việc mâu thuẫn của các đương sự đã trầm trọng, các bên đương sự đã được Tòa án hòa giải về đoàn tụ nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung đề nghị giao con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/6/2005; Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 30/7/2009 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị T không yêu cầu ông Nguyễn C cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng Nguyễn Thị Thanh H đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa nguyên đơn bà Lê Thị T với bị đơn ông Nguyễn C. Bị đơn ông Nguyễn C có HKTT tại địa chỉ: Khố phố N, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn C có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông Nguyễn C thừa nhận có mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng và ông còn thương vợ thương con nên mong muốn đoàn tụ với bà Lê Thị T để nuôi dạy con chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hoà giải để vợ chồng bà Lê Thị T và ông Nguyễn C về đoàn tụ chung sống nhưng bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn ông C. Ông C không đồng ý ly hôn nhưng không đến tham dự phiên tòa chứng tỏ ông là người coi thường pháp luật, không coi trọng cuộc hôn nhân này. Thực tế ông C và bà T đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, ngày 07/3/2020 Công an phường Đ N, thị xã Điện Bàn đã thụ lý vụ ông Nguyễn C đánh vợ là bà Lê Thị T, xảy ra tại khố phố N, phường Đ N và ông Nguyễn C đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác với mức phạt tiền 2.000.000 đồng. Đồng thời, bà T đã gửi đơn đến Tòa án và được hòa giải nên bà rút đơn khởi kiện, quay về chung sống nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho bà Lê Thị T được ly hôn ông Nguyễn C là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn C có 03 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 21/10/1998 (đã trưởng thành); Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/6/2005; Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 30/7/2009.

Khi ly hôn bà T có nguyện vọng nuôi hai cháu Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị Thanh T1. Ông Nguyễn C không đồng ý ly hôn nên không đề cập đến vấn đề con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị Thanh T1 đang sống cùng với cha mẹ và có nguyện vọng sống cùng mẹ. Ông C không đến Tòa án làm việc nên không thể xem xét nguyện vọng của ông được. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật HN&GD thống nhất giao con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/6/2005 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 30/7/2009 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị T không yêu cầu ông Nguyễn C cấp dưỡng nuôi con chung;

Ông Nguyễn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn ông Nguyễn C.

2/ Về con chung: Có 03 con chung: Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 21/10/1998 (đã trưởng thành); Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/6/2005; Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 30/7/2009

Giao con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/6/2005 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 30/7/2009 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị T không yêu cầu ông Nguyễn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0002548 ngày 01/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Bà Lê Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án gửi đến.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- UBND P. Đ N;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân